

Bản án số: 173/2019/HS-PT

Ngày: 10-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn

Các thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa

Bà Võ Thị Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 105/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 108/2019/HS-ST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1964) và bà Hoàng Thị T1 (sinh năm 1964); chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/02/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong bản án ngày 04/10/2013.

Bị cáo bị bắt ngày 22/11/2018. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Nguyễn Thế K – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Người bị hại: Anh Võ Hồng D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B1, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5 năm 2018, chị Nguyễn Thị H đến tiệm Spa “H R” địa chỉ, N, khu phố 6, phường T1, thành phố B do chị Trần Thị H1 làm chủ để làm thẩm mỹ. Do không bằng lòng với kết quả thẩm mỹ nên chị Nguyễn Thị H đòi lại tiền dẫn đến hai bên phát sinh mâu thuẫn.

Khoảng 11 giờ ngày 25 tháng 6 năm 2018, chị Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T (em trai chị Nguyễn Thị H) đi xe mô tô biển số 60F2-674.xx đến tiệm Spa “H R” gặp chị Trần Thị H1 để tiếp tục đòi lại tiền. Khi đến Spa “H R”, chị Trần Thị H1 và chị Nguyễn Thị H có lời qua tiếng lại với nhau. Lúc này, tại tiệm có anh Võ Hồng D là bạn trai của chị Trần Thị H1. Do muốn bênh vực chị Trần Thị H1 nên anh D cũng đã có lời qua tiếng lại với chị Nguyễn Thị H. Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, thấy anh D đứng gọi điện trước cửa tiệm Spa, T rút dao bấm dài khoảng 21cm lưỡi rộng 02cm lấy từ trong người ra và xông đến dùng dao đâm 01 nhát trúng vào sườn phải anh D. Anh D bỏ chạy, T cầm dao đuổi theo khoảng 07m. Anh D bị té ngã xuống đường và bị T dùng dao đâm 01 nhát trúng vào nách trái gây thương tích. Sau khi gây án, T vứt dao lại tại hiện trường và bỏ trốn. Anh D được chị Trần Thị H1 đưa đi Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai cấp cứu. Đến khoảng 11 giờ ngày 22 tháng 11 năm 2018, T đến Công an thành phố Biên Hòa đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 73/YC2-BVĐN ngày 05-7-2018 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai và bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0549/GĐPY/2018 ngày 29-8-2018 của Giám định viên - Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận thương tích và tỷ lệ thương tật của anh Võ Hồng D như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tồn thương mẻ xương sườn số III bên trái (Áp dụng Chương 8, điều I, mục 8.4). Tỷ lệ: 01%

- Vết thương thấu ngực trái gây tràn dịch màng phổi trái, hiện vẫn còn tràn dịch màng phổi trái lượng vừa (Áp dụng Chương 4, điều III, mục 2). Tỷ lệ: 16%

- Vết thương thấu bụng gây rách mạc nối lớn phải phẫu thuật cầm máu mạc nối (Áp dụng Chương 5, điều X, mục 3.1). Tỷ lệ 30%

- Vết thương hạ sườn phải kích thước 01x0,5cm đang liền sẹo và sẹo ngực trái kích thước 02x0,2cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ: 02%

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 43%.

3. Vật gây thương tích: Vật sắt nhọn.

* Vật chứng bị thu giữ:

- 01 con dao bấm dài khoảng 21cm lưỡi rộng 02cm.

- 01 xe mô tô biển số 60F2-674.52 của bà Hoàng Thị T1 – sinh năm 1964 (mẹ của T) không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho bà T1 quản lý.

Quá trình điều tra: Anh Võ Hồng D yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường tiền điều trị thương tích và các chi phí khác là 32.343.000 đồng, T và gia đình đã bồi thường 17.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 71/CT/VKS-HS ngày 24/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015. Tại bản án sơ thẩm số 108/2019/HS-ST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2018.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Võ Hồng D số tiền 7.048.935đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/3/2019, người bị hại Võ Hồng D kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 40.000.000đ thiệt hại tinh thần, yêu cầu xét xử bị cáo về tội “Giết người”.

- Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem

xét các tình tiết giảm nhẹ xét xử bị cáo với mức án 06 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét kháng cáo của bị hại:

+ Về việc đề nghị xét xử bị cáo về tội “Giết người”: tại phiên tòa bị hại đã rút yêu cầu này, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Đối với kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo: Xét thấy như đã phân tích trên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, sau khi gây án bị cáo đầu thú. Do đó cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với mức án 06 năm tù là phù hợp. Bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết gì mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

+ Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần: xét thấy bị cáo là người trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe bị hại nên phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần, bị hại kháng cáo yêu cầu bồi thường 40.000.000đ tổn thất tinh thần là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:

Người bị hại tại phiên tòa đã rút phần kháng cáo đề nghị xét xử bị cáo về tội danh “Giết người”, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 06 năm tù là phù hợp. Tuy bị cáo không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm thêm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có điều kiện hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân tốt cho xã hội.

Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu số tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 40.000.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được nộp giảm một phần bồi thường vì hiện tại hoàn cảnh bị cáo đang gặp khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị hại làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị hại:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Hồ sơ thể hiện: Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại khu vực trước tiệm Spa “H R” địa chỉ, N, khu phố 6, phường T1, thành phố B, Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H (chị gái T) gặp chị Trần Thị H1 và anh Võ Hồng D (bạn trai chị Trần Thị H1) để đòi lại tiền chị Nguyễn Thị H làm thẩm mỹ không đạt yêu cầu dẫn đến hai bên xảy ra tranh cãi. T đã có hành vi dùng 01 con dao bấm dài khoảng 21cm lưỡi rộng 02cm đâm 02 nhát trúng vào vùng nách trái và hạ sườn phải của anh Võ Hồng D gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 43%.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích ” theo điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét các nội dung kháng cáo của bị hại:

Đối với kháng cáo của bị hại về việc đề nghị xét xử bị cáo về tội “Giết người”, xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với kháng cáo của bị hại về tăng nặng hình phạt cho bị cáo, xét thấy: chỉ vì mâu thuẫn nhỏ giữa chị Nguyễn Thị H và chị Trần Thị H1 mà bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm là con dao để gây thương tích cho bị hại thể hiện hành vi có tính chất côn đồ. Thương tích của bị cáo gây ra là 43%, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm a, i khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 là có căn cứ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Tuy nhiên bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, sau khi gây án bị cáo đầu thú. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình và xét xử bị cáo mức án 06 (sáu) năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp số tiền 7.048.935đ (theo biên lai thu số 08740 ngày 07/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai) để bồi thường thiệt hại cho bị hại theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại về yêu cầu tăng nặng hình phạt cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tinh thần, xét thấy: Căn cứ Điều 590 BLDS 2015 quy định: người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải

bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Tại cấp sơ thẩm, người bị hại không có yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần nhưng ở cấp phúc thẩm bị hại kháng cáo yêu cầu bồi thường bổ sung số tiền 40.000.000đ thiệt hại tinh thần. Xét bị cáo là người trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại nên bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại do sức khỏe bị xâm phạm. Bị hại kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường 40.000.000đ tiền tổn thất tinh thần là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của bị hại được chấp nhận nên bị cáo phải chịu $5\% \times 40.000.000\text{đ} = 2.000.000\text{đ}$ (hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án sơ thẩm về mức bồi thường thiệt hại.

[2] Áp dụng điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 590, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2018.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Võ Hồng D số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Tiếp tục tạm giữ số tiền 7.048.935đ (bảy triệu không trăm bốn mươi tám ngàn chín trăm ba mươi lăm đồng) tại biên lai

thu số 08740 ngày 07/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Công an TP.Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (Nhà tạm giữ Công an TP.Biên Hòa);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thành Sơn